

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 42

Trong phần 3: Là phần đạt được Hạnh thù thắng, có hai: a- Trình bày về Hạnh sâu xa thù thắng đối với trước để làm sáng tỏ về vượt ra (Xuất); b- Từ “Phật tử, thử địa Bồ-tát...” trở xuống là phát khởi thù thắng đối với sau làm sáng tỏ về tiến vào (Nhập).

Trong phần a, cũng là thâm nhiếp Đồng Chân Trú. Trong văn có hai: Một- Kết thúc phần trước sinh khởi phần sau, bởi vì tiến vào Địa thứ tám là kết thúc phần vị tiến vào trước đây; sinh khởi phần sau là Hạnh sâu xa làm chỗ dựa. Hai- Từ “Vi thâm hạnh...” trở xuống là chính thức hiển bày về Hạnh sâu xa: Trước là Pháp, sau là Dụ.

Trong mục trước là Pháp có tám câu: Một câu đầu là tướng tổng quát, bởi vì Hạnh của phần vị sâu xa khó hiểu; bảy câu còn lại là tướng riêng biệt. Trong đó:

1- Khó có thể nhận biết, tức là khó tiến vào sâu xa, chính là đối với sau làm sáng tỏ về vượt ra.

2- Không có sai biệt, là cùng chung Hạnh sâu xa, bởi vì giống với các Bồ-tát ở Địa thanh tịnh vô lậu, như hạt lúa mạch ở nơi đồng lúa mạch, cho nên khó nhận biết về sai biệt.

3- Từ “Ly nhất thiết...” trở xuống là cảnh giới sâu xa, bởi vì phạm vi giới hạn vô cùng khác biệt. Bởi vì tướng thụ động giữ lấy là xa, tướng chủ động giữ lấy không hiện rõ trước mắt. Lại nói: Là xa tất cả chấp trước, là bởi vì bảo vệ tất cả Tướng đã đối trị về chướng ngại của Địa này.

4- Vô lượng vô biên tức là tu tập về Hạnh sâu xa, Tự lợi không có phần lượng, cho nên Lợi tha không có giới hạn.

5- Tất cả... là trình bày về không lui sụt sâu xa, bởi vì Nhị thừa không thể nào hủy hoại sự thù thắng ấy, câu trước là ngay nơi Tướng để phân rõ về Đại, câu này dựa vào so sánh để trình bày.

6- Lìa xa những sự tranh cãi ồn ào, tức là lìa xa chướng sâu xa, nghĩa là bởi vì lìa xa chướng ngại của công dụng.

7- Tịch diệt hiện rõ trước mắt, tức là đối trị hiện rõ trước mắt sâu xa, bởi vì chứng Chân Như làm chủ động đối trị, cho nên tất cả hoàn toàn vắng lặng.

Trong bảy tướng riêng biệt trên đây, thuận theo nhau gộp lại làm ba phần, có thể lìa xa bốn loại phiền muộn lo sợ của Địa trước: 1- Ba câu đầu trình bày về phần cảnh của Địa này rất khác biệt, là lìa xa lỗi lầm thứ tư thuộc hiện hành của Tướng vi tế, nghĩa là hãy còn chưa ngừng mong cầu Trí của Như Lai... 2- Hai câu tiếp trình bày về Chánh Hạnh rộng lớn, là lìa xa lỗi lầm thứ ba thuộc phương tiện thường xuyên hóa độ chúng sinh trước đây, nghĩa là mười Vô lượng... hãy còn có thường xuyên. 3- Hai câu sau trình bày về tịch diệt lìa xa chướng, là lìa xa hai lỗi lầm trước đây: Một- Lìa xa lỗi lầm thứ hai thuộc phương tiện thường xuyên làm cho Địa thanh tịnh, tức là trước đây tu về hạnh không có công dụng, ngày đêm thường xuyên tu tập, và đi đứng nằm ngồi đều là khởi Đạo...; Hai- Lìa xa lỗi lầm thứ nhất thuộc hạnh có công dụng-có phát khởi gián đoạn.

Bốn lỗi lầm này nói như luận Địa Trì. Luận Du Già gọi là bốn tai họa, nghĩa theo thứ tự cũng giống nhau.

Trong mục sau là Dụ, vẫn có ba Dụ, từ sau theo thứ tự Dụ cho ba phần trước đây, là bởi vì thuận theo đối trị chướng ngại từ vi tế đến thô nặng, trong Pháp hiển bày về sâu xa cho nên từ thô nặng đến vi tế. Trong ba Dụ đều có Dụ-Hợp.

Mục một- Dụ về Diệt định, dụ cho tịch diệt lìa xa chướng trước đây.

Trong Dụ: Tâm của Na-hàm, La-hán là người giải thoát phần nhiều có thể tiến vào, chín Định theo thứ tự (Cửu thứ đệ định) là Định thứ chín, vì vậy nói là cho đến. Tâm lay động ngừng lại, nghĩa là tâm vương thứ sáu-thứ bảy thụ động dựa vào đã diệt, tâm sở chủ động dựa vào nhớ tưởng tự nhiên không còn.

Trong Hợp: Trú vào Địa Bất Động hợp với tiến vào Diệt định. Từ “Tức xả...” trở xuống là hợp với tâm lay động ngừng lại: Tức là rời bỏ tất cả các hạnh có công dụng, bởi vì vượt qua thụ động đối trị. Đạt được pháp không có công dụng, là trình bày đạt được pháp đối trị ấy. Thân-khẩu đều ngừng lại, là bởi vì hạnh tự nhiên mà đạt được pháp không có công dụng, tức là giống như không có gì đấm theo giữ lấy trước đây, lìa xa lỗi lầm thứ nhất thuộc hạnh có công dụng-có phát khởi gián đoạn.

Trú vào hạnh thuộc Báo, văn hàm chứa hai ý: Một- Cũng thành tựu về pháp trái ngược nhau nêu ra hiện tại đạt được hạnh có công dụng trước đây, nghĩa là đạt được Địa không có công dụng. Đây là dựa theo Giáo Đạo, giống như không có gì đấm theo giữ lấy trước đây. Hai-Nghĩa là khéo léo trú trong pháp Chân Như của Thức A-lại-da. Đây là dựa theo Chứng Đạo, giống với tánh như hư không tiến vào tất cả các pháp trước đây, tức là lìa xa lỗi lầm thứ hai thuộc phương tiện thường xuyên làm cho Địa thanh tịnh, không giống với Địa trước tu về hạnh không có công dụng, cho nên nói là hạnh thuộc Báo. Hạnh thuộc Báo, là Báo của Địa trước đã tu tập thành thực mà hiện rõ trước mắt.

Trú trong Chân Như, bởi vì Bốn thức có hai phần: 1- Phần tạp nhiễm hư vọng, là nơi trú vào của phàm phu; 2- Phần thanh tịnh chân thật, là nơi trú vào của Địa này. Bởi vì trú trong Chân Như, cho nên rời bỏ tên gọi của A-lại-da (Lê-da). Vả lại, Phật Địa chỉ trú trong Chân Như, không nói là Chân Như của A-lại-da. Nay bởi vì có Báo thuộc về Biến dịch, cho nên nêu ra cả hai, là nói A-lại-da dựa theo Thức dị thực, mà Như Lai chỉ gọi là Thức vô cấu.

Mục hai- Dụ về tỉnh mộng, dụ cho Chánh Hạnh rộng lớn trước đây. Luận nói: Nêu ra Hạnh này bảo vệ Tướng thuộc về lỗi lầm ấy, bởi vì lìa xa lỗi lầm của phương tiện thường xuyên giáo hóa chúng sinh ấy. Có Tướng về Chánh Trí, bởi vì không phải là không có Trí không có công dụng của Địa này, như từ giấc mộng tỉnh dậy, tuy không có tướng về giấc mộng, mà không phải là không có tướng của tỉnh giấc, nhưng hạnh này tịch diệt, cho nên nói là những tác động đều ngừng lại.

Trong Hợp: Dũng mãnh dựa theo tâm, tinh tiến dựa theo hạnh, hợp với phương tiện trên đây đều là công dụng. Từ “Nhi hạnh...” trở xuống là nêu ra chương đã ngừng lại: Dựa vào Nội chứng thanh tịnh, hai tâm về sinh tử và Niết-bàn không hiện hành, gọi là hai hạnh không hiện hành. Như lúc tỉnh giấc thì bờ bên này-bên kia không còn dựa vào, cảnh giới của ngoại duyên và niệm tưởng về thọ dụng không hiện hành, cho nên nói là tướng và hạnh không hiện hành. Tức là lìa xa tướng về Thánh đạo-giáo hóa chúng sinh..., như lúc tỉnh giấc thì người và thuyền đều không có. Trong Hợp là thấy người rơi xuống sông, trong Dụ thì mình tự rơi xuống, bởi vì bệnh của chúng sinh tức là bệnh của Bồ-tát.

Mục ba- Dụ về sinh đến Phạm Thiên, dụ cho phần cảnh của Địa này rất khác biệt.

Trong Hợp: Trước là chính thức hợp với Địa dưới, tâm-ý-thức không hiện hành, hợp với tâm của cõi Dục không hiện hành. Sở dĩ

không hiện hành, là bởi vì đạt được hạnh thuộc Báo, đây là lìa xa lỗi lầm của hạnh thuộc về Tưởng vi tế, Luận nói: Đây là nói đến thù thắng thuộc về xa lìa. Sau từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là nêu ra thù thắng so với yếu kém, nghĩa là Phật... không thuận theo hạnh của thế gian, một phần tâm... hãy còn không hiện hành, hướng hồ một phần tâm thuận theo hạnh của thế gian hay sao? Tâm Phật..., tức là tâm mong cầu Trí của Như Lai ở Địa thứ bảy. Trong này chỉ so với thế gian, cũng thuận theo dùng Đại thừa so với Tiểu thừa, Đại thừa hãy còn không hiện hành, hướng hồ Tiểu thừa hay sao? Bởi vì hoặc là thế gian-hoặc là xuất thế gian, hoặc là người-hoặc là pháp, hoặc là nhân-hoặc là quả, hoặc là Trí-hoặc là Đoạn, đều không hiện hành.

Phần b là trình bày phát khởi về hạnh thù thắng, dưới đây cũng là thâm nhiếp về nhân của hạnh tôn trọng, bởi vì khuyến khích khởi Hạnh đều là tôn trọng; thù thắng cũng là nghĩa của tôn trọng. Trong văn có bốn: Một- Vị chủ thuyết giảng tổng quát thuật lại; Hai- Từ “Tác như thị...” trở xuống là chính thức hiển bày về ngôn từ khuyến khích; Ba- Từ “Phật tử, chư Phật Thế Tôn...” trở xuống là hiển bày khuyến khích qua những việc làm; bốn- Từ “Phật tử, nhược chư Phật...” trở xuống là làm sáng tỏ về lợi ích của khuyến khích.

Mục một: Nguyên tức là nhân của khuyến khích, như trong lời khuyến khích thứ ba, Luận nói bởi vì Lực của Bốn nguyện mà an trú, là vẫn quay lại chưa hết, nên nói là trú trong Lực của Bốn nguyện. Từ “Chư Phật Thế Tôn...” trở xuống là tổng quát hiển bày về tướng của khuyến khích. Sở dĩ chư Phật trao cho Trí khuyến khích, là bởi vì chuyển tâm ấy đi sâu vào hạnh vui thích đầy đủ, khiến cho tiến vào cửa ngõ của dòng pháp (Pháp lưu). Pháp lưu, là quyết định ngăn chặn dòng nước của Vô sinh, khiến cho phát khởi dòng sông của Hạnh không có công dụng ấy, tùy ý vận dụng hướng về biển rộng của Trí Phật, tức là lấy chủ động hướng về làm Môn. Vả lại, Pháp lưu tức là biển Hạnh. Nói trao cho Trí, là vốn có hai ý: 1- Hiện tại trao cho Giác niệm giống như Ý gia hộ cho vị ấy; 2- Khiến cho phát khởi tu tập chọn lấy, nên gọi là trao cho. Bảy lần khuyến khích sau đều do Trí Phật thâm nhiếp, cho nên chỉ nói là trao cho Trí. Nhẫn này ở Địa trước chưa thanh tịnh, vì vậy ở đây mới trao cho. Bởi vì đạt được Nhẫn này mới thâm nhiếp nguồn gốc của đức, vì vậy một khi đã trao cho thì về sau không còn đắm vào ham muốn.

Trong mục hai: Là chính thức hiển bày về ngôn từ khuyến khích, có hai: Trước là ca ngợi, mong muốn nhận lấy điều đó thì nhất định

phải trao cho. Sau từ “Nhiên thiện nam tử...” trở xuống là khuyến khích, trong đó có bảy: 1- Khuyến khích tu tập về Trí khéo léo điều phục ngăn chặn (Điều ngự) của Như Lai; 2- Khuyến khích thương xót chúng sinh; 3- Khuyến khích thành tựu bốn nguyện của mình; 4- Khuyến khích mong cầu Trí vô ngại; 5- Khuyến khích thành tựu Ngoại báo của Phật; 6- Khuyến khích chứng được vô lượng hạnh thù thắng thuộc về Nội minh của Phật; 7- Khuyến khích tu tập toàn bộ không sót điều gì để thành tựu về Đạo nhận biết tất cả.

Viễn Công đầu nhiếp bảy loại này làm hai: 1- Sáu loại trước là nêu ra nhiều pháp chưa thực hiện để chuyển tâm trú vào pháp ấy; 2- Một loại sau là trình bày về thực hiện một trong những pháp ấy mà có thể thành tựu tăng thêm tâm rời bỏ pháp ấy. Kinh không có văn này, Luận tựa như có ý đối với lý không có gì trái ngược.

Nay đầu nhiếp làm ba: 1- Ba loại trước khuyến khích hướng xuống dưới để giáo hóa chúng sinh: Một là pháp giáo hóa, hai là chính thức giáo hóa, ba là tâm nguyện giáo hóa. 2- Ba loại tiếp là khuyến khích hướng lên trên để mong cầu: Một loại đầu là phân tích về pháp đã đạt được không phải là thù thắng, hai loại sau là dẫn ra mong cầu về quả thù thắng của Phật hoặc là bên trong-hoặc là bên ngoài. 3- Một loại cuối cùng là khuyến khích tổng quát kết luận về nhiều môn, bởi vì những việc làm không có giới hạn, nói riêng biệt từng loại một khó mà hết được, nhưng bảy loại này đều hàm chứa về chuyển đổi-trú vào-tăng thêm và rời bỏ.

Khuyến khích thứ nhất, có ba: Một- Trình bày về nhiều pháp chưa thực hiện, bởi vì chưa có thể tu tập về pháp trao truyền cho chúng sinh như mười Lực...; Hai- Từ “Nhữ ưng...” trở xuống là khuyến khích khiến cho tu tập; ba- Từ “Vật phục...” trở xuống là không rời bỏ môn Nhẫn. Nhưng rời bỏ có hai nghĩa: 1- Nếu bởi vì buông bỏ thân tâm mà trú vào môn Nhẫn này, thì đây là điều không thích hợp, cho nên nói là đừng trở lại, vì vậy Luận nói: Nếu không rời bỏ hành thuộc Nhẫn này, thì không thể nào thành tựu tất cả các pháp của Phật. Đây là khiến cho bỏ đấm trước. 2- Hoàn toàn rời bỏ vốn là điều không thích hợp, Luận nói: Dựa vào Lực đầy đủ ấy mà có thể thực hiện, cho nên nói là đừng trở lại buông bỏ. Đây là khiến cho dựa vào.

Trong khuyến khích thứ hai, có ba: Một- Trình bày về tự mình đã đạt được Nhẫn; Hai- Từ “Nhiên chư...” trở xuống là trình bày về người khác không có Nhẫn mà lỗi lầm khởi lên, tại gia có nhiều phiền não, xuất gia khởi lên nhiều giác quán, đều là sự việc không có lợi ích cho

chúng sinh; Ba- Từ “Nhữ đương...” trở xuống là khuyến khích khởi lên tâm Bi, tâm Bi y theo trên mà chuyển.

Trong khuyến khích thứ ba, Nguyên có hai loại: Một- Dựa vào tâm rộng rãi hướng xuống dưới giáo hóa chúng sinh; Hai- Từ “Giai linh đắc...” trở xuống là dựa vào tâm to lớn. Nhưng có hai nghĩa: 1- Khiến cho người khác đạt được; 2- Khiến cho tự mình đạt được, tự mình đạt được Trí Phật, dựa vào Trí này mà thực hành thì có thể làm lợi ích rộng lớn.

Trong khuyến khích thứ tư, có ba: Một- Pháp tánh Chân Thường, nhất định hướng về nơi ấy; Hai- Từ “Chư Phật...” trở xuống là làm mất đi pháp khác với Phật để khuyến khích hướng lên trên mong cầu, bởi vì có Đại Dụng vô bờ bến của Trí vô ngại sâu xa, mới không giống với Nhị thừa; Ba- Từ “Nhất thiết...” trở xuống là ngăn chặn giống với Nhị thừa khiến cho không trú vào Nhẫn, bởi vì ba con thú vượt qua sông cùng trải qua Lý, công hạnh mệt mỏi đã rồi, hướng về vắng lặng là cầu nhiệm, cho nên thích hợp là dừng trú vào.

Trong khuyến khích thứ năm, nêu ra sáu loại như thân tướng..., đều là sự nghiệp giáo hóa chúng sinh, nếu thành tựu pháp này thì có năng lực để giáo hóa chúng sinh, cho nên khuyến khích tu tập thành tựu.

Trong khuyến khích thứ sáu, có ba: Một- Trình bày về pháp đã đạt được chưa rộng rãi; Hai- Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là nêu rõ vô lượng hạnh thù thắng của Phật, Vô lượng nhập là sai biệt của pháp môn đã tiến vào, Tác là nghiệp dụng của pháp môn, Chuyển là nghiệp dụng tiến lên cao không gián đoạn; Ba- Từ “Nhữ ưng...” trở xuống là kết luận khuyến khích.

Trong khuyến khích thứ bảy, có hai: Một- Nêu ra ba loại Vô lượng, tức là ba hạnh tự tại trong Tịnh độ; Hai- Từ “Tất ưng...” trở xuống là kết thúc khuyến khích, trình bày về thực hiện một trong những pháp hiện tại. Đã nói tất cả cần phải thông đạt là trình bày về quán sát một phần ít, thì có thể thành tựu cách Phật không phải là xa. Đây là giống như Đức Sinh khuyến khích Thiện Tài, đừng vì thực hành một ít mà sinh lòng nhận biết đầy đủ, cho nên gọi là Vô lượng.

Mục ba: Là hiển bày khuyến khích qua những việc làm, bởi vì khiến cho phát khởi Trí nghiệp.

Trong mục bốn: Là làm sáng tỏ về lợi ích của khuyến khích, cũng là những việc làm, vì thế cho nên khuyến khích, trong đó có hai: 1- Trình bày về tổn hại của không khuyến khích, vì vậy không thể nào không khuyến khích; 2- Từ “Dĩ chư Phật...” trở xuống là làm sáng tỏ lợi

ích của khuyến khích, vì vậy cần phải khuyến khích.

Mục 1 có hai: a- Tự mình tổn hại, bởi vì đã không trao cho Trí mà liền nhập Niết-bàn, thích hợp cần phải trao cho, Luận nói hai là liền nhập Niết-bàn, là thị hiện trao cho Trí tuệ; b- Tổn hại cho người khác, bởi vì không làm lợi ích chúng sinh.

Hỏi: Người mới thực hành hãy còn tu tập Vô trú, lẽ nào Địa thuộc Trí sâu xa chọn lấy diệt độ, cần phải khuyến khích hay sao? Có thể có một người nào mà Phật không trao cho Trí, liền chọn lấy diệt độ hay không? Đáp: Có bốn nghĩa, vì vậy cần phải khuyến khích: 1- Vì dẫn ra chỉ trích Định tánh Nhị thừa, trình bày về Bồ-tát ở Địa này đối với Đại tịch diệt hãy còn có khuyến khích phát khởi, hướng là pháp đã đạt được ấy lẽ nào là cứu cánh hay sao? 2- Vì cảnh giác Bồ-tát từng bước tỏ ngộ (Tiệm ngộ) vui thích luyện tập vắng lặng. 3- Vì người phát khởi bắt đầu thực hành không có chán ngán hướng lên trên mong cầu. 4- Vì hiển bày Địa này rất sâu xa huyền diệu khó rời bỏ.

Sở dĩ cần phải khuyến khích, bởi vì chỉ nơi nào có Pháp lưu sâu xa huyền diệu này, thì chắc chắn có chư Phật làm cầu nối bằng bảy lần khuyến khích, cho nên không có một người nào liền chọn lấy vĩnh viễn diệt độ. Vả lại, giả sử Phật không khuyến khích thì cũng không có ai hướng về tịch diệt, vì hiển bày lợi ích của khuyến khích cho nên mượn để làm lời nói.

Trong mục 2 là lợi ích của khuyến khích, có Pháp-Dụ và Hợp.

Trong Pháp có ba: Một- Nhắc lại phần trao cho Trí trước đây để làm sáng tỏ về nhân của lợi ích, vì vậy Luận nói: Bởi vì trong hạnh ấy thâm nhiếp nhân thù thắng của công đức. Vì sao thù thắng? Bởi vì chư Phật cùng thuyết giảng để truyền thụ. Hai- Từ “U nhất...” trở xuống là nhanh chóng khởi hạnh. Ba- Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ nhanh chóng, nghĩa là trước kia chỉ có một thân mà trải qua thời gian dài yếu kém, một niệm này-thân của Địa này... vốn là vô lượng.

Một niệm nhanh chóng vượt qua có mười một câu: Mười câu trước là riêng biệt trình bày, một câu sau là tổng quát kết luận.

Trong mười câu: Sáu câu đầu là dựa vào giáo hóa chúng sinh, hai câu tiếp là dựa vào chính mình tích tập về Trợ đạo, hai câu sau là dựa vào chướng ngại đã thanh tịnh.

Trong mười câu: 1- Nhiều thân tùy theo hiện bày. Nguyên cơ của nhiều thân, Luận nói: Bởi vì thân của tất cả Bồ-tát, tin hiểu giống như một thân của mình. Nghĩa là Trí phù hợp giống như Thể, cho nên có thể

ngay nơi một làm nhiều, Thật báo này có thể làm cho biến hóa không giống với các Địa trước. Đây là đối với một thân trước đây; còn lại âm thanh..., đối với khởi hạnh... trước đây, tương tự cũng vô lượng. 2- Viên âm tùy theo thuyết giảng. 3- Tùy theo Trí đã nhận biết. 4- Tùy theo chọn lấy sinh ở chủng loại nào. 5- Tùy theo thích hợp dùng quốc độ nào. 6- Tùy theo giáo hóa chúng sinh thuộc chủng loại nào. 7- Tùy theo cúng dường để tích tập phước đức Trợ đạo. 8- Tùy theo tiến vào pháp môn nào để tích tập Trí tuệ Trợ đạo. 9- Tùy theo thần thông để làm thanh tịnh chướng ngại. 10- Tùy theo Trí tuệ để làm thanh tịnh chướng ngại. Có thể tùy theo căn cơ thuyết pháp đối với vô lượng chúng hội, đều nói tùy theo, là tùy theo thích hợp không phải một, bởi vì giải thích về chữ Vô lượng, cho nên nghĩa của Tùy thời to lớn vậy thay!

Trong một câu sau là kết luận giải thích: Trước là kết luận, nghĩa là khởi hạnh rất nhiều mà không tách rời ba nghiệp; sau dùng pháp bất động vốn là giải thích, bởi vì Vô tướng-Vô công không có gián đoạn, Tướng-Dụng bất động tùy ý vận dụng tích tập mà thành.

Trong Dụ: Thuyền là dụ cho hạnh ấy nhanh chóng, Luận nói: Nên biết thị hiện về nhân thù thắng, là giải thích về nguyên cố của nhanh chóng, bởi vì thuyền đi vào biển cho nên nhanh chóng, hạnh tiến vào Vô sinh cho nên nhanh chóng.

Trong Hợp: Trước là hợp với chưa đến biển, tức là bầy Địa trước. Tiếp từ “Đáo Bồ-tát...” trở xuống là hợp với nếu như đến biển, tức là Trí Vô sinh của Địa thứ tám, cũng là hạnh cho nên gọi là biển hạnh (Hạnh hải). Lại lập tức có thể khởi lên khắp nơi, tức là sâu mà rộng, cũng có thể gọi là biển, dùng Trí không còn công dụng để hợp với gió trước đây, cảnh của Nhất thiết trí là trình bày hương về quả ấy. Dụ trước vốn không có, bởi vì Trí Vô sinh giống như biển Trí của Phật, cho nên dụ không phân biệt. Sau từ “Bổn hữu...” trở xuống là hợp với phần so sánh trước đây.

Phần 4: Là phần làm thanh tịnh quốc độ Phật.

Hỏi: Trong Kinh chỉ nói: Trí thuộc Đại phương tiện quán sát tất cả đều nhận biết đúng như thật, mở rộng nói về tác dụng thuận theo hình tướng để giáo hóa chúng sinh, mười Tự tại trong luận Du Già, trước là môn Khởi Trí, sau chỉ đạt được một phần Thân Trí, vì sao Luận chủ phân định làm phần Tịnh độ? Đáp: Tịnh độ có hai: Một là nhân thuộc về chủ động thanh tịnh, hai là quả thuộc về thụ động thanh tịnh. Ở đây có hai cặp: 1- Quả thanh tịnh thuộc về tướng, nghĩa là vật báu trang nghiêm..., dùng hạnh nghiệp làm nhân, nghĩa là tâm thẳng thắn... 2-

Quả thanh tịnh thuộc về tự tại, nghĩa là ba thế gian viên dung..., dùng đức nghiệp làm nhân, nghĩa là Tam-muội Tịnh độ... Nay dựa theo cặp sau, nhưng hạnh nghiệp của Tịnh độ bắt đầu khởi lên ở phàm phu, đầy đủ ở Thập Địa; đức nghiệp của Tịnh độ bắt đầu khởi lên ở Bất Động Địa, cuối cùng ở Như Lai Địa.

Văn phân ba phần riêng biệt: a- Hạnh tự tại thuộc về Khí thế gian; b- Hạnh tự tại thuộc về Chúng sinh thế gian; c- Hạnh tự tại thuộc về Trí chánh giác thế gian.

Đầu là nơi chốn giáo hóa, tiếp là chúng sinh đã giáo hóa, sau là người chủ động giáo hóa. Đây đủ hai loại thanh tịnh sau thì mới gọi là Tịnh độ, nhưng một loại đầu phần nhiều dựa theo chủ thể thanh tịnh, hai loại sau phần nhiều dựa theo thụ động thanh tịnh, văn phỏng theo tóm lược mà thôi.

Ngay trong phần a- Hạnh tự tại thuộc về Khí thế gian, phân hai: Một- Tổng quát nêu lên, Trí không có công dụng là Trí chủ động quán sát, cảnh của Trí đã đi qua là thụ động quán sát. Phương tiện khéo léo tức là nhân không có công dụng, ở Địa thứ bảy tu tập về hạnh không có công dụng, nay đạt được tự tại. Hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng, có năm loại tự tại: 1- Tùy theo tâm mong muốn; 2- Tùy theo mong muốn điều gì; 3- Tùy theo thời gian mong muốn; 4- Tùy theo mong muốn rộng rãi hay hạn hẹp; 5- Tùy theo tâm mong muốn bao nhiêu.

Mục 1: Quán sát thế gian Thành-Hoại, Luận nói: Tùy theo tâm đã mong muốn mà thế giới ấy có thể hiện rõ và không hiện rõ, nghĩa là dựa theo chủ thể thanh tịnh, Luận nói Tùy là tùy theo mong muốn của tự tâm; nhận biết tức là chủ động nhận biết mà dựa theo thụ động thanh tịnh, Luận nói Tùy là tùy theo tâm của chúng sinh. Vui thích muốn thấy thì hiện rõ Thành-hiện rõ Hoại, không muốn thấy thì không hiện rõ, cho nên Kinh nói quán sát nhận biết, bởi vì chỉ dựa theo nhân; Luận chủ muốn hiển bày nghĩa bao gồm quả, cho nên nói là tùy theo hiện tỏ, tức là chuyển biến tự tại. Bốn mục sau nói về tùy theo hiện rõ dựa theo đây nhận biết.

Mục 2- Từ “Do thử nghiệp...” trở xuống là trình bày về tùy theo mong muốn điều gì, nghĩa là tùy theo chúng sinh mong muốn nhận biết về nghiệp gì, mà Thành-Hoại đều có thể hiện rõ.

Mục 3- Từ “Cơ thời thành...” trở xuống là trình bày về tùy theo thời gian mong muốn, nghĩa là tùy theo thời gian dài-ngắn mà lập tức có thể hiện rõ. Nếu dựa theo chủ động thanh tịnh thì Trí tùy theo thời gian,

như thế giới này Thành hai mươi kiếp, kiếp đầu là Thành thuộc về Khí thể gian, còn lại là Thành thuộc về chúng sinh thể gian; Hoại cũng hai mươi kiếp, trước là Hoại thuộc về chúng sinh thể gian, một kiếp sau là Hoại thuộc về Khí thể gian. Đều xứng với Sự-xứng với Lý, gọi là nhận biết đúng như thật.

Mục 4- Từ “Hựu tri địa...” trở xuống là tùy theo mong muốn rộng rãi hay hạn hẹp mà thế giới ấy có thể hiện rõ, trong văn có ba: a- Nhận biết về bốn Đại sai biệt, tức là tướng rộng rãi; b- Từ “Tri vi trần...” trở xuống là nhận biết về tướng hạn hẹp; c- Từ “Tùy hà thế giới sở hữu địa-thủy...” trở xuống là nhận biết về chủ động thành tựu-thụ động thành tựu, tức là cùng trình bày về tướng rộng rãi và hạn hẹp.

Trong mục a: Tướng Tiểu, không phải là cảnh giới của Thức thuộc Báo ở Địa của Định. Tướng Đại là cảnh giới ở Địa của Định, cho đến bốn Thiên, bởi vì duyên với ba ngàn thế giới. Vô lượng là cảnh giới của Như Lai. Ba loại trên là phạm vi giới hạn thuộc về Sự, đều dùng Trí về cảnh giới mà nhận biết. Tướng sai biệt là phạm vi giới hạn thuộc về Pháp, dùng Trí về tướng mà nhận biết, bởi vì nhận biết sai biệt về Tự tướng-Đồng tướng của pháp. Những mục sau tướng tự, còn lại dễ dàng hiểu rõ.

Trong mục b là nhận biết về vi trần: Tướng tế là bởi vì xuyên suốt cực vi (Kim trần). Luận về Kinh tiếp nói Tướng thô là bởi vì xuyên qua mảy lông (Khích trần). Tướng sai biệt giống như trước. Vô lượng sai biệt, là bởi vì trong một mảy trần hàm chứa nhiều pháp, tướng thô-tướng tế của mảy trần cùng nối thông với định-tán, cho nên không nói là Đại-Tiểu.

Trong mục c là nhận biết về chủ động thành tựu-thụ động thành tựu, có hai: 1- Tổng quát nhận biết về bên trong-bên ngoài; 2- Từ “Tri địa ngục...” trở xuống là riêng biệt trình bày về sáu đường. Đây chính là Lăng Già quở trách về những điều không thưa hỏi, ý hiển bày về vô cùng sâu xa, còn nói là Vô tánh.

Mục 5- Từ “Hựu tri Dục giới...” trở xuống là trình bày về tùy theo tâm mong muốn bao nhiêu, tức là chủ động hiện rõ. Trong văn có hai mục:

Mục a- Dựa theo Trí nhận biết tự tại, trước đây thì ba cõi hưởng về với nhau mà luận về Đại-Tiểu, nay thì trong một cõi tự phân ra Đại-Tiểu. Trong cõi Dục thì cảnh giới của con người là Tiểu, cảnh giới của chư Thiên là Đại. Trong cõi Sắc thì Giác quán là Tiểu, không có Giác quán là Đại. Trong cõi Vô sắc, Luận nói: Trong pháp của Phật thì cảnh

giới của phàm phu là Tiểu, cảnh giới của Thanh văn Bồ-tát là Đại, bởi vì chọn ra ngoại đạo hư vọng giữ lấy làm Niết-bàn, cho nên chỉ nói đến pháp của Phật, Như Lai đã nhận biết tất cả ba cõi đều gọi là Vô lượng tướng.

Mục b- Từ “Phật tử, Bồ-tát phục khởi...” trở xuống là dựa theo Thần thông để trình bày về Tự tại, tùy theo chúng sinh mà hiện bày giáo hóa. Trong văn có ba tiết:

Tiết một- Tùy theo căn cơ mà hiện bày giáo hóa, trong đó: Đầu là nêu ra Trí chủ động giáo hóa. Tiếp từ “Sở vị...” trở xuống là trình bày về căn cơ đã nhận biết, có ba câu: 1- Nhận biết về chủng loại của thân không giống nhau; 2- Nhận biết về tùy theo thân thích hợp mà dùng phương tiện khác nhau; 3- Sinh vào thế giới như thế nào mà có thể làm lợi ích cho chúng sinh. Sau từ “Tùy kỳ...” trở xuống là chính thức trình bày về tùy thuận giáo hóa, tuy nói hiện thân mà ý ở tại nơi sinh, cho nên thuộc về Khí thế giới.

Tiết hai- Từ “Thử Bồ-tát ư nhất Tam thiên...” trở xuống là trình bày về phạm vi giới hạn của giáo hóa.

Tiết ba- Từ “Thử Bồ-tát thành tựu...” trở xuống là trình bày về hiện thân tự tại, nghĩa là không lay động mà hiện rõ khắp nơi, giống như vầng trăng hiện rõ ở mọi dòng sông.

Phần b- Từ “Phật tử, thử Bồ-tát tùy chư chúng sinh thân tâm...” trở xuống là trình bày Hạnh tự tại thuộc về Chúng sinh thế gian, nghĩa là tùy theo Cấm có thể Ứng tự tại mà điều phục chúng sinh, trong đó có ba mục:

Mục một- Tổng quát trình bày về Cấm ứng.

Mục hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Cấm ứng, trong đó hiển bày về hạnh giáo hóa chúng sinh có hai loại Tự tại: 1-Hóa hiện giống với thân chúng sinh, bởi vì trong Sa-môn hiện rõ hình tướng Sa-môn..., tức là thân tự nhiên Đồng sự; 2- Từ “Hựu ứng...” trở xuống là hóa hiện thuận với tâm của chúng sinh, bởi vì thân không nhất định giống với chúng sinh đã giáo hóa, tức là tâm tự nhiên Đồng sự. Luận nói: Hạnh giáo hóa chúng sinh của Bồ-tát, thân tâm tự nhiên Đồng sự.

Mục ba- Từ “Phật tử, Bồ-tát như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về Cấm ứng. Như vậy và như vậy, là hiện bày rất nhiều chủng loại, hoặc là thân-hoặc là tâm không hề thiên lệch mà lập tức ứng hiện. Luận kết thúc nói: Thân tâm tự nhiên thị hiện giống nhau.

Phần c- Từ “Phật tử, thử Bồ-tát viễn ly...” trở xuống là trình bày

Hạnh tự tại thuộc về Trí chánh giác thế gian.

Viễn Công nói: “Nếu dựa vào cảnh giới của Hạnh thì nên gọi là Hạnh tự tại thuộc về hai Đế. Nay dựa vào Thể của Hạnh gọi là Trí chánh giác, Trí chánh giác vô ngại đối với hai Đế cho nên gọi là tự tại.”

Nay lại có một cách giải thích: Bởi vì mười thân đã nhận biết đều là Thể chánh giác của Phật Tỳ-lô Giá-na, cũng có thể thuận theo cảnh gọi là Trí chánh giác, có thể khiến cho tác động lẫn nhau mà cũng tự tại.

Trong văn có hai mục: Một- Trình bày về Trí thuộc Đệ nhất nghĩa; Hai- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về Trí thuộc Thế đế.

Mục một- Trình bày về Trí thuộc Đệ nhất nghĩa: Câu trước là lia xa Vọng, câu sau là trú vào Thật, bởi vì Tự thân-Tha thân không phân biệt mà trú trong bình đẳng. Nói về không phân biệt, không những soi chiếu cùng một tánh, mà cũng chính là chủ động soi chiếu-thụ động soi chiếu không còn. Luận nói: Thị hiện về Trí thuộc Đệ nhất nghĩa này không giống với Nhị thừa, bởi vì Nhị thừa không đạt được Pháp Không, không thể nào ngay nơi Tục mà Chân, vốn không phải là giống nhau-khác nhau (Nhất dị).

Trong mục hai: Là trình bày về Trí thuộc Thế đế, có ba: 1- Tổng quát nhận biết về mười thân; 2- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là khiến cho mười thân tác động lẫn nhau hiển bày về Thần thông tự tại; 3- Từ “Thử Bồ-tát tri chúng sinh thân...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về tướng nhận biết để làm sáng tỏ Trí tự tại.

Mục 1- Tổng quát nhận biết về mười thân, Luận thâm nhiếp làm ba: Ba thân đầu thuộc về phần Nhiễm, sáu thân tiếp thuộc về phần Tịnh, một thân sau thuộc về phần Bất nhị. Đều nói là Phần, bởi vì cùng một Đại duyên khởi pháp giới mà phân làm mười, tức là Y tha thuộc về phần Nhiễm, Y tha thuộc về phần Tịnh, cùng dựa vào một Thật.

Đầu là ba thân trong phần Nhiễm: Một- Chúng sinh thế gian. Hai- Quốc độ thế gian. Ba- Thân nghiệp báo là Sinh nhân của hai thân ấy, nghĩa là nghiệp-phiền não, Kinh lược bỏ chữ phiền não, mà Luận nêu đầy đủ. Nhưng nói về Báo, là nghiệp chủ động dẫn đến Báo, thuận theo quả mà thiết lập tên gọi. Nếu là thụ động dẫn đến thì lẽ nào khác với hai loại trên? Nhưng thân quốc độ kết hợp nối thông với phần Tịnh, lại thuận theo một loại để phân định là Nhiễm.

Tiếp là sáu thân tổng quát lấy Tam thừa làm phần Tịnh, trong đó: Bốn loại trước là con người, Bồ-tát và Phật, nhưng khác nhau về nhân quả; một loại tiếp là Trí chủ động chứng được; một loại sau là Pháp thụ

động chứng được. Luận nói: Tam thừa này tùy theo Trí nào, tùy theo Pháp nào để biểu hiện rõ ràng về phần Tịnh ấy? Nghĩa là dựa vào Pháp trí khác nhau để hiển bày Tam thừa sai khác.

Một loại sau là thân hư không thì không giống nhau, phân ra thì bao gồm làm hai chỗ dựa, bởi vì không phải là nhiễm-tịnh.

Từ “Quán...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, phần nhiều dựa theo Sự Không, mà nghĩa bao gồm đối với Lý.

Mục 2- Mười thân tác động lẫn nhau, đều trước là trình bày về nguyên cố tác động lẫn nhau, bởi vì tùy theo căn cơ. Trong văn có hai mục:

Mục a- Riêng biệt hiển bày về tác động lẫn nhau, tóm lược có bốn lần vượt qua. Vì sao Pháp trí-Hư không có thể làm tự thân? Bởi vì tiến vào trong Pháp trí mà tự nhiên ứng hiện thân của chính mình, khiến cho bỗng nhiên thấy tự thân ở giữa hư không, cho nên gọi là Tác; Tác còn lại cũng như vậy.

Mục b- Từ “Tùy chư chúng sinh...” trở xuống là tổng quát kết luận ví dụ phần còn lại. Trên đây chỉ nêu ra bốn lần vượt qua, Lý phải đầy đủ mười để thành một trăm thân, nhưng tự thân tức là Bồ-tát, nếu đem Tự thân hưởng về Bồ-tát riêng biệt, thì có một trăm mười thân, cho nên nói là bởi vì hiện rõ như vậy. Nguyên cố tác động lẫn nhau đạt được vô ngại, mở rộng như phần Huyền Đàm.

Nay văn tóm lược có ba ý: 1- Bởi vì Chứng được Đệ nhất nghĩa dựa vào Sự, Sự không có Sự ngoài Lý, Sự tùy theo Lý mà dung thông. Chương này bắt đầu, trước là trình bày về nghĩa thù thắng. 2- Bởi vì Duyên khởi dựa vào nhau. 3- Bởi vì nghiệp dụng tự tại. Kệ trong bản kinh thời Tấn nói Bồ-tát tự tại ở trong nhân duyên hòa hợp, cho đến có thể tùy ý, là hiện rõ đối với thân Phật; nay Kinh tóm lược không có kệ này. Luận chủ chỉ giải thích về ý của tác động lẫn nhau: Trong Hạnh tự tại ấy đã dấy lên thân nhiếp tiếp nhận thị hiện đủ loại Hạnh, nghĩa là trong Hạnh tự tại thuộc Trí chánh giác ấy, dấy lên thân nhiếp tiếp nhận Hạnh của chúng sinh, tùy theo tâm vui thích mà thị hiện đủ loại.

Trong mục 3 là riêng biệt hiển bày về tướng nhận biết, mười thân làm thành tám, bởi vì ba thân hợp lại. Nhưng ví dụ về chủng loại ấy thuận theo đều đầy đủ mười, vẫn có lẽ tóm lược thiếu mất, tạm thời thuận theo hiển bày mà nói.

Một- Thân chúng sinh, có năm tướng: Đầu là ba nghiệp sinh ra phiền não, vọng tưởng tạp nhiễm sai biệt, đây là dựa theo tổng quát trình bày về ba cõi. Sau là hai loại dựa theo hai cõi trên, tức là ngay nơi

Báo mà tách ra riêng biệt. Nếu tổng quát tách ra năm nẻo-ba cõi thì đầy đủ mười.

Hai- Thân quốc độ có đủ mười tướng: Trước là tám tướng thuộc về tất cả, sau là hai tướng thuộc về Nghĩa chân thật.

Trong tám tướng trước: Đầu là ba tướng thuộc về phạm vi giới hạn, tức là Tiểu thiên-Trung thiên-Đại thiên; tiếp là hai tướng thuộc về nhiễm-tịnh sai biệt; tiếp là một tướng thuộc về rộng rãi, tức là rộng rãi-hạn hẹp sai biệt, ở đây lược bớt không có hạn hẹp; tiếp là hai tướng thuộc về nương tựa-an trú sai biệt.

Trong hai tướng về Nghĩa chân thật: Một lớp nhanh chóng tiến vào gọi là tiến vào khắp nơi, mười phương đan xen với nhau cho nên nói là Phương võng (mạng lưới mười phương). Lại trùng trùng hiện khởi, phần nhiều giống như Địa thứ nhất.

Ba và bốn- Cùng có bốn thân, đều nói là Giả danh sai biệt, chỉ có sai biệt về Tự tướng-Đồng tướng, Giả danh phân biệt mà thật sự không có Ngã-Nhân; còn lại cũng là Giả danh. Chỉ nói đến bốn loại này, bởi vì Nghiệp nhân hãy còn là Giả, thì khổ quả có thể nhận biết. Thánh nhân hãy còn là Giả, hướng là đối với phàm phu. Vả lại, Thánh nhân Tam thừa mới có thể nhận biết về Giả, Đức của Phật siêu tuyệt không thể nào nói là Giả.

Năm- Nhận biết về thân Phật tự có mười tướng, chín thân còn lại đã là thân Phật, mỗi một thân có đủ mười thân thì đã thành một trăm. Nếu trải qua tác động lẫn nhau thì trùng trùng vô tận. Mười thân:

1- Thân Bồ-đề, là bởi vì thị hiện thành tựu Chánh giác.

2- Bởi vì nguyện sinh ở cõi Đâu-suất.

3- Bởi vì vốn có Phật ứng hóa, chọn ra hóa hiện khác với các loài vượt-khỉ-nai-ngựa..., cho nên nói là ứng hóa, tức là thân sinh ở Vương cung.

4- Bởi vì Xá-lợi của tự thân trú trì. Bốn loại trên ở trong ba thân đều là Hóa thân thâm nhiếp.

5- Vốn có thân Thật Báo, Vô biên tướng hải... chọn ra ba mươi hai tướng..., cho nên gọi là Thật Báo, tức là Báo thân trong ba thân.

6- Vốn có ánh sáng thâm nhiếp điều phục chúng sinh, cho nên nói là Uy thế, tức là bao gồm Báo-Hóa.

7- Ý sinh thân, Luận nói: Bởi vì vốn có tâm đồng-dị, thế gian-xuất thế gian đạt được giải thoát tự tại, Đồng là chủng loại giống nhau, Dị là chủng loại khác nhau, Thế gian tức là Địa tiền, Xuất thế gian tức là Địa thượng. Nghĩa là hoặc Phàm-hoặc Thánh, hoặc Đồng-hoặc Dị, do đạt

được giải thoát tự tại, mà tùy ý câu sinh, tức là Chung loại câu sinh-Vô tác hạnh-Ý sinh thân. Đây là bao gồm Biến hóa và Tha thọ dụng.

8- Phước đức, là vốn có phước không cùng với Nhị thừa, bởi vì có thể làm nhân của lợi ích rộng lớn, cho nên gieo trồng một chút thiện căn mà nhất định đạt đến quả Phật.

9- Pháp thân, là vốn có cảnh giới Vô lậu của Như Lai, đây chính là Thể của pháp đã chứng được. Trong mười Phật ở phẩm Ly Thế Gian, gọi là thân Phật thuộc về Pháp giới. Bởi vì các lậu vĩnh viễn không còn, không phải là Lậu tùy tăng, tánh thanh tịnh tròn vẹn sáng ngời, cho nên gọi là cảnh giới Vô lậu, là nghĩa về chứa đựng-nghĩa về sinh khởi, hàm chứa vô biên công đức, sinh ra những niềm an lạc thuộc về thế gian-xuất thế gian.

10- Trí thân, là vốn có Trí vô chướng ngại, nghĩa là Đại viên cảnh trí đã ra khỏi cấu nhiễm của chướng ngại, chứng được tánh bình đẳng. Tiếp đến nói Trí này có thể làm ra tất cả sự việc, tức là Thành sở tác trí. Sự việc ấy sai biệt thấy đều có thể nhận biết, tức là Diệu quan sát trí. Thân này bao gồm bốn thân, nhưng hai lớp-mười thân, mỗi một thân đều viên dung, cho nên khác với các Giáo.

Sáu- Nhận biết về Trí thân, có mười một tướng, thâm nhiếp làm ba loại:

Đầu là hai tướng dựa theo Thể phân biệt: 1- Bao gồm Văn-Tư, 2- Tu tuệ, cùng bao gồm Lý-Giáo.

Tiếp là một tướng thuộc về Quả-Hạnh, tức là nhân-quả phân biệt, Hạnh tức là nhân nối thông với ba Tuệ, Quả chỉ là chứng nhập, tướng lia xa ba loại trước.

Còn lại có tám Trí đều dựa theo phần vị phân biệt, trong đó: Một loại đầu là tướng thứ 4 nói về tổng quát, Tục trí thuộc về thế gian gọi đó là thế gian, Thánh trí thuộc về Tam thừa gọi là xuất thế gian. Lại trước Đạo gọi là thế gian, Kiến đạo trở đi gọi là xuất thế gian. Tướng thứ 5 nói về Tam thừa, là phân biệt về Trung-Đại-Tiểu đối với xuất thế gian, Tiểu thừa là mười Trí..., Trung thừa là bảy mươi bảy Trí..., Đại thừa là Quyền-Thật vô lượng. Hai tướng thứ 6-thứ 7 là phân biệt về thô-diệu ở trong Đại thừa, Bát-nhã rất sâu xa không chung với Nhị thừa, Bát-nhã tương tự thì gọi là chung. Hai tướng thứ 8-thứ 9 là phân biệt về ràng buộc-giải thoát tất cả dựa vào Tam thừa, bởi vì thành thạo-chưa thành thạo đối với tánh mới huân tập. Ba loại sau là phân biệt về Tu tập thành thực nối thông với Tam thừa.

Bảy- Nhận biết về Pháp thân. Trước là Trí có thể nhận biết, ở

đây là Pháp đã nhận biết, đều nổi thông với tất cả. Trí và Pháp không giống nhau, trước là Pháp của Phật, Trí chỉ giới hạn ở Như Lai. Văn có năm tướng:

1- Tướng bình đẳng, tức là Pháp thuộc về Lý. Luận nói: Vô lượng pháp môn vốn trình bày về một Pháp thân bình đẳng, nghĩa là pháp môn tuy khác mà cùng giải thích về Pháp thân bình đẳng, bởi vì chúng sinh và Phật không khác nhau, chọn ra Lý khác với Sự đều thâm nhiếp vào môn Thế đế.

2- Tướng bất hoại, tức là Pháp thuộc về Hạnh. Luận nói: Như nghe mà chọn lấy, nghĩa là xứng với Lý khởi Hạnh, gọi là như nghe mà chọn lấy. Hạnh phù hợp với Lý là Bồ-đề sâu xa, gọi là không thể hủy hoại.

3- Tức là Pháp thuộc về Giáo, tùy theo căn tánh của chúng sinh đã giáo hóa tương ứng với thời gian mà thuyết giảng sai biệt, Lý vốn không có ngôn từ, mượn ngôn từ để hiển bày Lý, hoặc Quyền-hoặc Thật đều là giả danh tùy theo Tục đế.

4- Tức là trở lại hiển bày Pháp thuộc về Lý, cảnh đã hiện rõ khắp nơi, cảnh này bao gồm nhiễm-tịnh, mà Pháp thân bình đẳng hiện rõ khắp nơi hữu tình và phi tình.

5- Tức là Pháp thuộc về Quả, bởi vì chỉ dựa vào thanh tịnh. Luận nói: Đệ nhất tướng sai biệt, bởi vì Tam thừa cùng chứng được Đệ nhất nghĩa, tùy theo Trí có khác nhau, ba loại không giống nhau, cho nên Lý đã hiển bày cũng nói đến cạn-sâu. Nếu dựa theo công đức... khác nhau, thì như bình thường đã biện giải.

Tám- Nhận biết về thân Hư không, văn có sáu tướng:

1- Tướng vô lượng, bởi vì hư không trong hạt cải cũng không có phần lượng.

2- Bởi vì đến khắp tất cả mọi nơi thuộc về Sắc-Phi sắc.

3- Bởi vì không thể nhìn thấy. Nay người thế gian thấy, là chỉ thấy một Sắc hiển bày rõ ràng của Không, tâm tưởng nói là thấy, vì vậy trong kinh Niết Bàn mở rộng phá bỏ về thấy Không. Lại bởi vì ở đây hàm chứa Không thuộc về Vô vi, cho nên cũng không thể thấy.

4- Tướng không có khác nhau, là bởi vì không có chướng ngại, nghĩa là không giống như Sắc pháp, tướng này-tướng kia khác nhau, cho nên có chướng ngại.

5- Tướng vô vi, là bởi vì không có giới hạn của bắt đầu-cuối cùng, dấy khởi-tận cùng.

6- Có thể tiếp nhận tất cả Sắc tướng mà chủ động duy trì và thụ

động duy trì, cho nên văn sau Kinh nói: Ví như hư không rộng rãi, không phải là Sắc mà có thể biểu hiện rõ ràng tất cả các Sắc. Đã dựa vào Sắc để phân biệt đó là hư không, thì nhận biết nhờ vào Không mà biểu hiện pháp ấy là Sắc.

Trong phần 5 là phần đạt được tự tại, phân hai:

Phần a- Nhắc lại phần trước làm nhân tu tập thực hành về Hạnh tự tại đối với ba loại thế gian, cho nên đạt được mười tự tại. Ở đây chỉ dựa theo Trí-Thông mà nói, nếu dựa vào Nhiếp Luận thì dùng sáu Độ làm nhân, riêng biệt trình bày như văn sau.

Phần b- Từ “Đắc mạng...” trở xuống là hiển bày về Quả tự tại:

1- Mạng tự tại, là bởi vì Mạng duy trì tồn tại trải qua Bất khả thuyết-bất khả thuyết kiếp.

2- Tâm là Trí tiến vào Tam-muội trải qua Vô lượng A-tăng-kỳ kiếp.

3- Tài sản là thị hiện trang hoàng đẹp đẽ mà duy trì tồn tại vô lượng trang nghiêm ở tất cả thế giới. Ba loại trên dùng Bồ thí làm nhân, như thứ tự dùng tất cả thời gian, tất cả nơi chốn, tất cả vật dụng mà Bồ thí.

4- Nghiệp là như đời hiện tại, bởi vì thị hiện duy trì tồn tại nghiệp báo ở thời gian sau.

5- Sinh là bởi vì thị hiện sinh đến tất cả thế giới. Hai loại trên lấy Giới làm nhân, Giới điều hòa thân-ngữ mà thành tựu về nghiệp thù thắng, lại nhờ vào Giới thanh tịnh tùy theo mong muốn mà sinh ra.

6- Nguyện là tùy theo tâm đã mong muốn, quốc độ của Phật luôn luôn thị hiện mà thành tựu Tam Bồ-đề, đây là do tinh tiến thúc đẩy thường xuyên không có lời lỏng phế bỏ.

7- Giải là trong tất cả thế giới mà thị hiện đầy đủ Phật. Luận về Kinh gọi là Tín giải, Nhiếp Luận gọi là Thắng giải, đều là một nghĩa mà thôi; dùng Nhẫn làm nhân, bởi vì tu tập về Nhẫn mà luôn luôn tùy theo tâm ý của chúng sinh, cho nên đạt được tất cả đều chuyển theo tâm, nghĩa là biến đất làm vàng...

8- Như ý là trong tất cả quốc độ của Phật, mà thị hiện làm ra sự việc biến hóa như ý; dùng Định làm nhân.

9- Trí là tướng hảo trang nghiêm-pháp bất cộng-Lực-Vô úy của Như Lai, mà thị hiện về Tam Bồ-đề.

10- Pháp là trong chỗ không có mà thị hiện rõ ràng vô biên pháp môn. Hai loại trên là cùng lấy Bát-nhã làm nhân, do soi chiếu bên trong mà nhận biết đạt được Trí tự tại, thuận theo căn cơ mà thuyết giảng đạt

được Pháp tự tại.

Ở trong mười loại này, hoặc là Trí-hoặc là Thông, đều không có gì vướng mắc, cho nên gọi là Tự tại. Luận dùng mười loại này để đối trị mười loại sợ hãi: 1- Sợ hãi cái chết; 2- Sợ hãi phiền não cấu nhiễm; 3- Sợ hãi nghèo túng; 4- Sợ hãi nghiệp ác; 5- Sợ hãi đường ác; 6- Sợ hãi mong cầu không được; 7- Sợ hãi nghiệp của tội phỉ báng Chánh pháp; 8- Sợ hãi theo đuổi luôn luôn ràng buộc không sống nổi; 9- Pháp tự tại đối trị sợ hãi về nghi ngờ vì sao và vì sao; 10- Trí tự tại đối trị sợ hãi về uy đức của Đại chúng. Hai loại này như Luận.

Thứ tự mười loại này cũng chính là năm loại sợ hãi vi tế ở Địa thứ nhất mà từng bước tách ra. Trong này: Loại thứ 2-thứ 4-thứ 7 tức là sợ hãi về tiếng xấu, bởi vì tiếng xấu là nguồn gốc; loại thứ 3-thứ 6 thuộc về sợ hãi không sống nổi; loại thứ 9 thuộc về loại thứ 10. Dựa theo nhân thì Địa này mới đạt được, dựa theo quả thì viên mãn thuộc về Phật, ở đây dựa theo thứ tự trước sau (Hành bố). Phần sau phẩm Ly Thế Gian, phần đầu phẩm Hiền Thủ đều có mười loại này, mà dựa theo phần vị Phổ Hiền nối thông xuyên suốt từ đầu đến cuối.

Phần 6: Từ “Đắc thứ...” trở xuống là trình bày về phần Đại thù thắng, trong đó có ba: a- Trí Đại, bởi vì Trí hiểu biết thù thắng; b- Nghiệp Đại, bởi vì hạnh nghiệp rộng lớn; c- Hai loại ấy trú vào Công đức Đại, do Trí-Nghiệp mà thành tự.

Phần a- Trí Đại, văn có năm câu: Câu đầu là nhắc lại phần trước làm nhân; từ “Tắc vi...” trở xuống là chính thức hiển bày.

Phần hiển bày có bốn Trí: Một câu đầu là tổng quát, nghĩa là không trú vào thế gian, không trú vào Niết-bàn, Tịch-Dụng khó lường, gọi là không thể nghĩ bàn. Không thể nghĩ bàn này có ba: 1- Tu hành tận cùng đến nơi không thể nghĩ bàn, nghĩa là chứng Niết-bàn vốn không có phần lượng; 2- Pháp đã nhận biết không thể nghĩ bàn, bởi vì soi chiếu rộng rãi cảnh giới thế gian; 3- Trừ chướng ngại không thể nghĩ bàn, khiến cho Chân Như vượt khỏi Sở tri chướng, bởi vì Thiên ma-ngoại đạo không thể nào phá hoại.

Phần b- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là Nghiệp Đại, có ba: Một-Hai câu nhắc lại phần trước làm nhân, câu 1 là tiến vào Tự tại, câu 2 là thành tựu Trí; Hai- Từ “Đắc tất cánh...” trở xuống là chính thức hiển bày về Nghiệp Đại; Ba- Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về nhiều môn.

Trong mục hai là chính thức hiển bày, có mười hai câu: Ba câu đầu trình bày về ba nghiệp thanh tịnh, ngay nơi tướng phân rõ về nghiệp;

chín câu sau dựa theo tu tập để phân rõ về nghiệp, thâm nhiếp làm bốn tướng:

1- Một câu trình bày về dấy khởi. Luận nói: Chủ động dấy khởi. Chủ động dấy khởi cùng một lúc, nghĩa là thân-ngữ-ý đều là thụ động dấy khởi, Trí tuệ là chủ động dấy khởi. Bởi vì ba nghiệp này dấy khởi nhất định phải cùng lúc với chủ động dấy khởi. Kinh nói: Tùy theo Hạnh mà Trí là dẫn dắt đầu tiên.

2-Từ “Bát-nhã...” trở xuống có bốn câu về Trí thâm nhiếp không nhiễm, Hạnh làm lợi ích cho chúng sinh..., nghĩa là do Bát-nhã thâm nhiếp Đại Bi ấy, không nhiễm Ái kiến mà có thể dấy khởi Hạnh phương tiện làm lợi ích cho chúng sinh.

3- Từ “Thiện khởi...” trở xuống có hai câu về nhân thâm nhiếp, nghĩa là bên trong do Đại Nguyện làm nhân của Tự hành-Tha hành, còn bên ngoài được Phật thâm nhiếp, có thể thành tựu hai nhân.

4- Hai câu sau là do tác nghiệp mà duy trì, câu đầu là làm lợi ích cho chúng sinh, câu sau là làm thanh tịnh quốc độ của Phật.

Mục ba là tổng quát kết luận, có thể biết

Trong phần c- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử...” trở xuống là hai loại ấy trú vào Công đức Đại, có ba: Một-Nêu ra phạm vi giới hạn đã trú vào; hai-Từ “Đắc thiện...” trở xuống là hiển bày về đức đã trú vào; ba-Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là kết luận thành tựu công đức.

Trong mục hai có mười câu dựa vào bảy loại công đức: 1-Bốn câu đầu làm một công đức khéo léo trú vào đạo, đây là Thể của đức, bởi vì hạnh Tự lợi-Lợi tha là đạo của Bồ-tát. Hai câu trước là Tự lợi, câu đầu là hợp với Lý lìa xa chướng, gọi là tâm sâu xa; câu sau là đối trị kiên cố, gọi là tâm thù thắng. Hai câu sau là Từ Bi thuộc về Lợi tha. 2-Sáu câu sau đều có một công đức, dựa theo tu tập để phân rõ về đức: Ba câu đầu là lợi ích của ba Luân giáo hóa, tu về hạnh Lợi tha trước đây; ba câu sau là Nguyện-Hạnh phù hợp với nhau, bên ngoài được Phật che chở, tu về hạnh Tự lợi trước đây.

Trong mục ba là kết luận thành tựu công đức, gần là kết luận về phần này, xa thì kết luận về ba phần trước. Đầu là đạt được Trí như vậy, kết luận về Trí Đại trước đây, bởi vì Trí chứng Lý mà đạt được không còn yêu-ghét. Tiếp từ “Năng hiện...” trở xuống là kết luận về Tác Nghiệp Đại, bởi vì thực hiện bình đẳng. Sau từ “Ư chư...” trở xuống là kết luận về Công đức Đại đã trú vào, bởi vì đạt được bảy loại công đức, không có lỗi lầm.

Phần 7: là phần giải thích tên gọi, cũng thâm nhiếp Như Tướng

Hồi Hương, bởi vì xứng với Như bất động... Giải thích tên gọi, phân hai: a-Địa, giải thích tên gọi tức là dựa theo pháp để trình bày về phần vị; b-Trí, giải thích tên gọi tức là dựa theo con người để làm sáng tỏ về đức.

Phần a có mười câu, Luận thâu nhiếp làm sáu, Viễn Công lại thâu nhiếp sáu làm hai: Hai loại đầu là Tự phần, bốn loại sau là Thắng tiến. Trong phần Thắng tiến lại có ba: Một loại đầu là phát khởi tu tập lìa xa lỗi lầm; hai loại tiếp là nhờ vào tu tập mà thành tựu đức, một là thành tựu đức thuộc về Giáo Đạo, hai là thành tựu đức thuộc về Chứng Đạo; một loại sau là dựa vào đức mà thành tựu phần vị. Cũng có lý này.

Nói về thâu nhiếp mười làm sáu:

Một- Hai câu đầu gọi là đối trị nhiễm: 1- Đối trị về hạnh có công dụng của Địa dưới, nguyện của Tiểu thừa, các nghiệp của ma, cho nên gọi là Bất Động Địa; 2- Đối trị về hạnh của tập khí phiền não, cho nên gọi là Bất Chuyển. Hai loại trên tức là Tướng-Dụng, phiền não không thể nào lay động.

Hai- Một câu tiếp là bởi vì đạt được rất sâu xa, có thể biết.

Ba- Có hai câu về phát khởi Hạnh thanh tịnh: Câu trước là phát khởi thanh tịnh, nghĩa là đạt được vô lậu chân thật, ba nghiệp không có lỗi lầm, không phá bỏ tâm quán, có thể phát khởi hướng về Hạnh. Nhưng Địa thứ tám ấy nên đối với Trú thứ tám, hợp lại gọi là Đồng Chân, mà Luận về Kinh gọi là Vương Tử, tựa như không thuận theo văn. Câu sau là Hạnh thanh tịnh, bởi vì Chánh hạnh luôn luôn tự tại mà lìa xa chướng.

Bốn- Hai câu tiếp gọi là có tác dụng (Hữu tác) thanh tịnh thù thắng đối với thế gian-xuất thế gian: Câu trước là Bi cho nên có tác dụng tùy thuận thế gian, mà tự mình không hề có tác dụng; câu sau là có tác dụng đối với xuất thế gian, bởi vì Trí khéo léo phân biệt, bởi vì Trí chướng thanh tịnh, đều là nghĩa về quyết định.

Năm- Có một câu về không có tác dụng (Vô tác) thanh tịnh thù thắng đối với hai loại ấy, nghĩa là đối với thế gian-xuất thế gian, gọi là hai loại ấy. Nguyện lực biến hóa mà không đắm vào vắng lặng, cho nên nói là không có tác dụng, tức là Niết-bàn Vô trú.

Sáu- Có hai câu về Bồ-tát Địa thù thắng, tức là hơn hẳn phần vị trước đây: Câu trước là hơn hẳn Địa thứ sáu trước đây, bởi vì Địa thứ sáu quán sát về Không, làm cho nơi khác có lay động, nay niệm niệm phát khởi vốn là Hạnh thù thắng; câu sau là hơn hẳn Địa thứ bảy.

Trên đây dựa vào Luận để giải thích. Nay lại dựa vào văn riêng biệt đưa ra một cách giải thích, nghĩa là những tên gọi này hướng về

Kinh trước đây mà thiết lập: Hai câu đầu thuận theo phần Tịnh Nhãn mà nhận lấy tên gọi, bởi vì đạt được Vô sinh Nhãn tiến vào Bất Động. Câu này là tổng quát, bởi vì Trí này hiện rõ trước mắt, cho nên không có lui sụt hủy hoại. Hai câu tiếp dựa theo phần đạt được Hạnh thù thắng mà nhận lấy tên gọi: 1- Bởi vì đạt được là Hạnh sâu xa, Bồ-tát không thể nhận biết; 2- Bởi vì là xa những sai lầm thuộc về tất cả các tướng. Ba câu tiếp dựa theo phần Tịnh độ mà nhận lấy tên gọi, Sinh Địa nghĩa là Khí thể gian tự tại, tùy theo ý thích mà sinh đến; Thành Địa là Chúng sinh thể gian tự tại, tùy theo chúng sinh mà thành tựu thân tự nhiên không có tác dụng; Cửu Cảnh Địa là Trí chánh giác thể gian, bởi vì quyết định về hai Đế. Một câu tiếp dựa theo phần Tự tại, tùy Nguyên thành tựu mới gọi là Tự tại. Một câu tiếp dựa theo phần Đại thù thắng, bởi vì đạt được mười loại Lực Trì như tâm sâu xa... Một câu cuối là không có công dụng bao gồm tất cả từ đầu đến cuối.

Dựa vào cách giải thích này, thì tựa như Luận gia thiếu phần đưa ra chứng cứ rõ ràng.

Phần b- Từ “Phật tử, Bồ-tát thành tựu...” trở xuống là Trí, trong giải thích tên gọi có ba: Một- Nhắc lại phần trước làm nhân, bởi vì đạt được Địa thuộc về Trí; Hai-Từ “Nhập Phật...” trở xuống là chính thức dựa vào con người để hiển bày; Ba- Từ “U vô lượng...” trở xuống là tổng quát kết luận về nơi trú vào.

Trong mục hai là chính thức dựa vào con người để hiển bày: Bởi vì nghĩa gì mà Bồ-tát gọi là đạt được Bất Động Địa? Bởi vì có hai nghĩa: 1- Luôn luôn bất động, nghĩa là Hạnh tu tập mà thuận theo hướng lên trên; 2- Cùng một Thể bất động, nghĩa là Thể giống nhau với Hạnh của các Bồ-tát.

Trong văn: 1- Tổng quát trình bày; 2- Từ “Thường vi...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong mục 1, văn có bốn câu, đều hàm chứa hai nghĩa. Luận tổng quát giải thích rằng: Bởi vì Phật tánh tùy thuận với nhân. Phật tánh tức là câu đầu, bởi vì tiếng Phạm nói là Đà-đô, dịch đầy đủ là tánh của cảnh giới (Giới tánh). Luận về Kinh nói: Có thể tiến vào Phật tánh, tức là tánh thuộc quả của Pháp thân. Luận nói: Phật tánh, là bởi vì cảnh giới đầy đủ thù thắng, tánh thấy đến tận cùng cho nên nói là đầy đủ. Đây chính là cảnh giới thuộc về phạm vi giới hạn, Bồ-tát do đạt được Địa thuộc về Trí, mà có thể hướng lên trên tiến vào. Tùy thuận với nhân, tức là ba câu sau, bởi vì ba loại này làm nhân, cho nên có thể tùy thuận với cảnh giới của Phật: 1- Thân nhiếp công đức, bởi vì soi chiếu công

đức của Phật, là nghĩa về khéo léo thanh tịnh, nghĩa là dùng Tuệ vô cấu khéo léo soi chiếu công đức của Phật, tức là nghĩa về thâm nhiếp.
 2- Hạnh, nghĩa là Chánh hạnh-oai nghi vốn thuận theo giống như Phật.
 3- Gần, tức là cảnh giới của Phật hiện rõ trước mắt mà gần như có thể nhìn thấy.

Trong mục 2 là riêng biệt trình bày, có hai mục:

Mục a- Trình bày về luôn luôn bất động, Luận về Kinh có mười câu, Kinh này thiếu một câu.

Một câu đầu là tổng quát hiển bày về Phật gia hộ, bởi vì giải thích thêm về công đức vô thượng gia hộ cho mình; bởi vì đã thường xuyên được Phật gia hộ, cho nên gọi là luôn luôn bất động.

Những câu còn lại riêng biệt dựa vào năm loại công đức để hiển bày về bất động: 1- Công đức cúng dường, tức là Phạm-Thích-Tứ Vương, Luận về Kinh thì sau chữ Vương có chữ Phụng Nghênh (nghênh tiếp hầu hạ). 2- Công đức giữ gìn bảo vệ, nghĩa là thần Kim Cang... hiện hình mà bảo vệ. 3- Công đức nương tựa, bởi vì luôn luôn không rời bỏ Tam-muội. 4- Công đức làm thanh tịnh quốc độ, tức là có thể hiển bày các thân sai biệt, hoặc là Khí thể gian, hoặc là Chúng sinh thể gian, đều có thể thuận theo hiển bày, cho nên nói là Vô lượng. 5- Từ “Ư nhất nhất...” trở xuống là công đức giáo hóa chúng sinh.

Công đức thứ năm này lại có năm loại, ba loại trước là Tự phần, hai loại sau là Thắng tiến: Một- Nguyễn chọn lấy các cõi, phần nhiều làm người đứng đầu dẫn dắt, cho nên nói là có Đại thế lực. Hai- Căn tâm sử dụng Trí lực, tức là Báo đạt được Thần thông, cùng tận Căn-Dục... của chúng sinh trong ba thời gian. Ba-Vô lượng Pháp lực, là Tam-muội tự tại mà chuyển pháp luân. Bốn- Thọ lực, Kinh ấy nói: “Bởi vì có thể tiếp nhận ghi nhớ vô lượng.” Nay Kinh thiếu mất loại này. Năm-Thuyết lực, tức là tùy theo nơi chốn có thể giáo hóa mà thị hiện thành tựu Chánh giác, đích thực có thể thuyết giảng. Luận về Kinh thì sau loại này lại có một câu kết luận rằng: Bồ-tát này thông đạt như vậy. Luận nói: Bởi vì luôn luôn bất động.

Mục b- Từ “Phật tử...” trở xuống là trình bày về cùng một Thể bất động, vẫn có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Tổng quát nói: Hòa vào pháp hội Đại thừa, nghĩa là hòa vào số lượng của chúng Đại thừa đồng loại. Hòa vào số lượng là nghĩa về không phá hoại, bởi vì hòa hợp như một.

Riêng biệt có chín loại, đầy đủ chín loại này thì có thể hòa vào số lượng của chúng: 1- Trí bất hoại, bởi vì đạt được Pháp Trí Thông.

2- Thuyết bất hoại, là bởi vì phát ra ánh sáng của Giáo Trí. 3- Giải thoát bất hoại, là nghiệp dụng vô ngại của pháp giới vô ngại như Hạnh không trú vào mà chứng nhập Không-Hữu... 4- Quốc độ Phật thanh tịnh bất hoại, bởi vì nhận biết tự tại về thế giới. 5- Tiến vào Đại thừa bất hoại, bởi vì Trí có thể thị hiện Đại công đức. 6- Thần thông bất hoại, bởi vì tự tại tùy ý. 7- Từ “Thiện năng...” trở xuống là có thể giải thích về nghĩa bất hoại, bởi vì thuyết giảng phù hợp với ba thời gian. 8- Từ “Phổ phục...” trở xuống là an tọa đạo tràng bất hoại, bởi vì vạn hạnh và dưới cội cây Bồ-đề làm cho ma tà phải hàng phục. 9- Chánh giác bất hoại, bởi vì tiến vào cảnh giới của Như Lai, giống như Giác ngộ của Phật.

Trong mục ba tổng quát kết luận về nơi trú vào, bởi vì Hạnh không có chướng ngại, không gián đoạn, không thay đổi, niệm không lui sụt.

Phần sau là Quả thuộc phần vị.

Trong quả Điều Nhu: Trước là hạnh Điều Nhu.

Trong Pháp thuyết: Tiếp nhận thế giới sai biệt..., Vô lượng Pháp minh, là bởi vì bình đẳng chọn lấy Chúng sinh thế gian và Trí chánh giác thế gian. Luận nói là bởi vì tướng của nhân ấy, dùng pháp đã tiếp nhận mà làm nhân tự tại.

Trong Dụ: Vàng ròng làm mũ của vị đứng đầu cõi Diêm-phù-đề, là dụ cho thân tâm thù thắng mà đạt được Địa thanh tịnh, bởi vì Hạnh thuộc Báo thuận thực trong Địa này, cho nên tự tại đối với ba loại thế gian, chỉ thêm vào chữ Vương. Không gì sánh bằng, là dụ cho thiện căn sáng ngời càng thêm trong sáng.

Từ “Phật tử thí như...” trở xuống là Giáo Trí thanh tịnh, Phạm Vương tỏa ra ánh sáng khắp nơi, là hơn hẳn ánh sáng mặt trời ở Địa trước: 1- Bởi vì nhiều; 2- Bởi vì thanh tịnh; 3- Bởi vì rộng lớn.

Trong phần ba là phần trùng tụng, có hai mươi hai kệ phân làm ba: 1- Mười tám kệ rưỡi, tụng về phần Hạnh thuộc phần vị; 2- Hai kệ rưỡi, tụng về phần Quả thuộc phần vị; 3- Một kệ kết luận về phạm vi giới hạn thuyết giảng.

Trong mười tám kệ rưỡi, tụng về bảy phần trước đây tức là bảy đoạn:

Một- Có một kệ rưỡi, tụng về phần phương tiện tích tập thực hiện của Địa.

Hai- Có một kệ rưỡi, tụng về phần đạt được Nhẫn thanh tịnh.

Ba- Có bảy kệ, tụng về phần đạt được Hạnh thù thắng, trong đó có hai: Hai kệ đầu tụng về Hạnh sâu xa thù thắng, năm kệ sau tụng về

phát khởi thù thắng. Trong đó nói: Chỉ dùng Trí vô ngại rất sâu xa, phần Trường hàng vốn không có, cho nên biết rằng chỉ nghĩ đến pháp tánh, thì giống như Sự-Lý của Nhị thừa, bởi vì Sự-Sự đều không có chướng ngại, là pháp học của Bồ-tát. Bản kinh thời Tấn có đầy đủ một kệ, nói rằng:

*“Chỉ bởi vì Trí tuệ vi diệu,
Đạt được vô ngại rất sâu xa,
Cho nên thông đạt cả ba đời,
Mới có thể được gọi là Phật.”*

Lại một câu này cũng có thể tổng quát tụng về phần khuyến khích còn lại.

Bốn- Có sáu kệ, tụng về phần làm thanh tịnh quốc độ Phật, trong đó có ba: Hai kệ đầu, tụng về phần Khí thế gian; ba kệ tiếp, tụng về phần Chúng sinh thế gian; một kệ sau, tụng về phần Trí chánh giác thế gian.

Năm- Có nửa kệ, tụng về phần đạt được mười Tự tại. Bản kinh thời Tấn Kinh nói: “Trí có thể đạt được mười loại Đại tự tại vi diệu.”

Sáu- Có một kệ, tụng về phần Đại thù thắng.

Bảy- Có một kệ, tụng về phần giải thích tên gọi. Mật Tích, xưa dịch là Lực Sĩ. Văn còn lại có thể biết.

